

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2025/HS-ST
Ngày: 20-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim L

2. Bà Nguyễn Thị T

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh T – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực X -Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực X -Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn V - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực X -Thành phố H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai để xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2025/TLST-HS ngày 11/7/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn B, sinh năm 1990, tại tỉnh Đ; Hộ khẩu thường trú: Khóm T, xã T, tỉnh Đ (địa chỉ cũ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ); Nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1965 và bà Lê Thị , sinh năm: 1966; bị cáo có vợ tên Bùi Thị L, sinh năm: 1988 và có 01 con sinh năm 2023;

Tiền án:

- Ngày 24/02/2009, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B (nay là Tòa án nhân dân khu vực X Thành phố H) xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản” đối với hành vi thực hiện ngày 11/8/2008. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 12/3/2011, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm số tiền 50.000 đồng ngày 24/8/2009.

- Ngày 22/5/2012, Tòa án nhân dân tỉnh B (nay là Tòa án nhân dân Thành phố H) xử phạt 10 năm tù về tội “Cướp tài sản” đối với hành vi thực hiện ngày 30/3/2011. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 09/4/2021, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 130.000

đồng ngày 05/9/2012. Chấp hành xong án phí hình sự phúc thẩm số tiền 200.000 đồng ngày 11/3/2025. Bồi thường dân sự số tiền 70.000 đồng cho Phùng Quốc Trọng, người được thi hành án chưa có đơn yêu cầu thi hành án.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/11/2024, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B (nay là Tòa án nhân dân khu vực Y, Thành phố H) xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” đối với hành vi thực hiện ngày 24/12/2021. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/5/2024 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Hoàng H, sinh năm 1968; hộ khẩu thường trú: Căn 202, Khối 2, chung cư K, phường X - Đ, tỉnh L (địa chỉ cũ: Căn 202, Khối 2, chung cư K, phường 10, thành phố Đ, tỉnh L). Vắng mặt.

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1964; hộ khẩu thường trú: Số 21/2A, ấp 19, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số 21/2A, ấp 19, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn B là đối tượng nghiện ma túy đá (loại Methamphetamine). B bắt đầu sử dụng ma túy từ tháng 3/2024.

Khoảng 20 giờ ngày 31/5/2024, Nguyễn Văn B điều khiển xe mô tô biển số 53Y7 – 2308 đi đến khu vực gần nhà nghỉ D 3 thuộc Khu công nghiệp M 3 thuộc phường T, thành phố B, tỉnh B mua được 01 hộp Singum màu xanh được quấn băng keo màu trắng bên trong chứa 10 gói nylon hàn kín chứa ma túy đá với giá 1.000.000 đồng của người đàn ông tên P (không rõ lai lịch). Sau đó, B cầm hộp Singum trong lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe mô tô biển số 53Y7 – 2308 đi về nhà trọ Đ cạnh đường DB12 thuộc khu phố 3, phường M, thành phố B nơi Bình thuê ở. Đến khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, khi Bình đi đến đoạn đường D1 thuộc khu phố 4, phường M, thành phố B thấy chốt Cảnh sát giao thông kiểm tra nồng độ cồn. B sợ bị lực lượng Công an phát hiện B cất giấu ma túy nên ném hộp Singum chứa ma túy xuống bãi cỏ cạnh lề đường D1, rồi điều khiển xe chạy về nhà trọ. Khoảng 10 phút sau, B điều khiển xe mô tô biển số 53Y7 – 2308 đi đến đoạn đường D1 thuộc khu phố 4, phường M, thành phố B để lấy ma túy đem về phòng trọ sử dụng thì bị lực lượng Công an phường M kiểm tra hành chính. Lúc này, B đã tự thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời dẫn lực lượng Công an phường M đến thu giữ số lượng ma túy mà B đã ném trên bãi cỏ.

Sau đó, vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

- 01 hộp nhựa màu xanh được quấn băng keo màu trắng bên trong chứa 10 gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng;

- 01 xe mô tô biển số 53Y7 – 2308, số máy: 150FM99060138, số khung: RRKWCHCUM5X002020.

Theo Kết luận giám định số 2651/KL-KTHS ngày 06/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H), kết luận: Mẫu chất tinh thể màu trắng (bị thu giữ), gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,7702 gam loại Methamphetamine. Mẫu vật sau giám định được niêm phong, khối lượng: 0,6729 gam.

Theo Kết luận giám định số 5402/KL-KTHS ngày 19/11/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, kết luận: Xe mô tô biển số 53Y7 – 2308, số máy: 150FM99060138, số khung: RRKWCHCUM5X002020, có số khung, số máy nguyên thủy, không phát hiện dấu vết cắt hàn, đục sửa.

Tại Cơ quan điều tra Công an thành phố B, bị cáo Nguyễn Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của Nguyễn Văn B phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra, B còn khai: Khoảng cuối tháng 2/2024, Nguyễn Văn B mua xe mô tô biển số 53Y7 – 2308 với giá 1.100.000 đồng của cửa hàng mua bán xe gắn máy cũ (không rõ tên, địa chỉ) thuộc khu vực phường T, thành phố B.

Xe mô tô biển số: 53Y7 – 2308, qua kết quả tra cứu biển số là của bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm: 1964, HKTT: 21/2A ấp 19, xã T, huyện H, Thành phố H đứng tên đăng ký. Năm 2004, bà Huỳnh Thị Ngọc L bán xe cho người đàn ông không rõ lai lịch. Qua kết quả tra cứu số máy là xe mô tô hiệu HUAWAISANYE biển số: 49S5 – 2862 của ông Lê Hoàng H, sinh năm: 1968, HKTT: Căn 202 Khối 2, chung cư K, phường 10, thành phố Đ, tỉnh L đứng tên đăng ký. Sau đó, ông Lê Hoàng H bán xe cho người mua phé liệu (không rõ lai lịch) ở khu vực huyện Đ, tỉnh L.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS-18 ngày 11/7/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực X - Thành phố H đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực X -Thành phố H trong phần tranh tụng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s, r khoản 1 Điều 51, 56, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 07 - 08 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực X- Thành phố H tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô biển số 53Y7 – 2308, số máy: 150FM99060138, số khung: RRKWCHCUM5X002020.

- Tịch thu tiêu hủy: 0,6729 gam ma túy loại Methamphetamine (phần hoàn lại sau giám định).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Bình thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn B trình bày: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo biết hành vi của mình là sai và rất hối hận, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm quay trở về với gia đình làm người công dân tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực X- Thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Lúc 20 giờ 45 phút ngày 31/5/2024, tại đoạn đường D1 thuộc khu phố 4, phường M, thành phố B, tỉnh B (nay là khu phố M, phường B, Thành phố H), lực lượng Công an phường M kiểm tra hành chính thì Nguyễn Văn B đã tự thú hành vi cất giấu 0,7702 gam ma túy loại Methamphetamine trong hộp Singum trên bãi cỏ mọc ven đường, nhằm mục đích để sử dụng. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Theo Kết luận giám định số 2651/KL-KTHS ngày 06/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H), kết luận: Mẫu chất tinh thể màu trắng (bị thu giữ), gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,7702 gam loại Methamphetamine. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-18 ngày 11/7/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực X -Thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội

“Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo Nguyễn Văn B là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức để biết hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp hậu quả thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

[4] Bị cáo là người biết rõ tác hại của việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà nay lại thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm về ma túy trên địa bàn phường B, Thành phố H nói riêng và trên phạm vi cả nước nói chung nên cần xử lý bị cáo nghiêm bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm có điều kiện để giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt cho xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội tự thú được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên ngày 14/11/2024, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B (nay là Tòa án nhân dân khu vực Y- Thành phố H) xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” đối với hành vi thực hiện ngày 24/12/2021 và hiện nay bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Ngày 20/12/2024, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực Y, Thành phố H đã ban hành Quyết định thi hành án phạt tù số 321/2024/QĐ-CA thi hành hình phạt 03 năm 03 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng hiện nay bị cáo chưa chấp hành hình phạt này nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của 02 bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Xét thấy hình phạt chính đã đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô biển số 53Y7 – 2308, số máy: 150FM99060138, số khung: RRKWCHCUM5X002020 (xe không gương, không khóa, xe bong tróc rỉ sét, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được). Đây là xe không có giấy tờ hợp pháp, bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với ma túy 0,6729 gam ma túy loại Methamphetamine (phần hoàn lại sau giám định) đựng trong bì thư được niêm phong ghi số 2651/PC09 có chữ ký của Nguyễn Văn B (người chứng kiến), Nguyễn Hoàng Á (bên trả mẫu), Nguyễn Tấn Đ (bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B.

Đây là vật chứng của vụ án, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Ý kiến luận tội của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Văn B về phần tội danh, điều khoản truy tố, mức hình phạt cũng như đề nghị xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 46, 47, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Điều 106, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 299; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 07 (bảy) năm tù. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 237/2024/HSST ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B (nay là Tòa án nhân dân khu vực Y, Thành phố H. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 10 (mười) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 31/5/2024.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy đối với: 0,6729 gam ma túy loại Methamphetamine (phần hoàn lại sau giám định) đựng trong bì thư được niêm phong ghi số 2651/PC09 có chữ ký của Nguyễn Văn B (người chứng kiến), Nguyễn Hoàng Á (bên trả mẫu), Nguyễn Tấn Đ (bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô biển số 53Y7 – 2308, số máy: 150FM99060138, số khung: RRKWCHCUM5X002020 (xe không gương,

không khóa, xe bong tróc rỉ sét, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được).

Các vật chứng trên hiện do Phòng Thi hành án dân sự nhân dân khu vực X - Thành phố H quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/5/2025.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 20/8/2025).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- VKSND Thành phố H;
- Thi hành án dân sự Thành phố H;
- Phòng hồ sơ - Công an Thành phố H;
- VKSND Khu vực 18 - Thành phố H;
- Phòng THADS Khu vực X - Thành phố H;
- Phân trại tạm giam khu vực B - Trại tạm giam số 2, Công an Thành phố H;
- Cổng Thông tin điện tử của TANDTC (nếu có);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân N

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Mỹ

Trương Hữu Bình

Trần Văn Tùng

